

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày: 24-6-2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thật;
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: số 40-42-44 Ph, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A là: Ông Lâm Văn T - sinh năm 1980, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch G.

Người đại diện theo ủy quyền lại là: Ông Nguyễn Thành N - sinh năm 1967, Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch G - Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước T, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long và người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Thành N trình bày: Vào ngày 14/8/2019 bà Nguyễn Thị L có đến Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G vay số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số

1734/19/HĐTD/1011-0864 ngày 14/8/2019; Ngày giải ngân là 14/8/2019; Mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi; Thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn là 14/8/2020; Lãi suất trong hạn: 13,6%/năm. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng K tại thời điểm thay đổi lãi suất công biên độ 3,8%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi vay được trả 12 tháng 01 lần và vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Đồng thời, bà L có làm hợp đồng thế chấp tài sản số 1644/19/HĐTC-BDS/1011-0864 ngày 01/8/2019 là 01 giấy CNQSD đất số CR 208349, thửa số 01, tờ bản đồ số 79-2019, diện tích là 6.217,8m², được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/7/2019, tọa lạc tại ấp Phước T, xã V, huyện G, tỉnh K do bà L đứng tên trên giấy. Từ khi vay đến nay bà L không thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng. Hiện nay, hồ sơ vay đã quá hạn 10 tháng.

Nguyễn vọng: Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền vốn gốc và lãi là tạm tính đến ngày 24/6/2021 là 132.047.197 đồng (trong đó: Nợ gốc 100.000.000đ, lãi trong hạn là 13.586.849đ, lãi quá hạn 17.291.507đ và lãi phạt chậm trả lãi là 1.168.841) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1734/19/HĐTD/1011-0864 ngày 14/8/2019 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay bà L không có mặt ở địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận bà L bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo qui định tại Điều 179, 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà L vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà L trong vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 24/6/2021 là 132.047.197 đồng (trong đó: Nợ gốc 100.000.000đ, lãi trong hạn là 13.586.849đ, lãi quá hạn 17.291.507đ và lãi phạt chậm trả lãi là

1.168.841) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1734/19/HĐTD/1011-0864 ngày 14/8/2019 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp, bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với bà Nguyễn Thị L là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị L là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà đã được tổng đạt hợp lệ vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 29/4/2021 thì bà Nguyễn Thị L còn nợ tiền lãi là 32.047.197 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 24/6/2021 là 132.047.197đ (một trăm ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm chín mươi bảy đồng).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số 1734/19/HĐTD/1011-0864 ngày 14/8/2019 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị L không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng vay cho đến nay bên vay là bà L đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà L phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1644/19/HĐTC-BDS/1011-0864 ngày 01/8/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với bà Nguyễn Thị L có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất là 01 giấy CNQSD đất CR 208349, thửa số 01, tờ bản đồ số 79-2019, diện tích là 6.217,8m², được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/7/2019, tọa lạc tại ấp Phước T, xã V, huyện G, tỉnh K do bà L đứng tên trên giấy. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo quy tại khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu bà L tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị L, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà bà tổng đạt các văn bản đúng theo qui định của pháp luật và thông báo cho bà L trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi bà có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng bà L không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà. Từ đó, cho thấy bà L đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt bà L theo qui định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, trường hợp bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích đánh giá trên cùng với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 132.047.197đ (một trăm ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm chín mươi bảy đồng).

[7] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP K đã nộp là 2.900.000đ (hai triệu chín trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0009601 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí là: 132.047.197đ x 5% = 6.602.359,85 đồng làm tròn là 6.602.000đ (sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 323, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền là 132.047.197đ (một trăm ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm chín mươi bảy đồng) (trong đó: Nợ gốc 100.000.000đ, lãi trong hạn là 13.586.849đ, lãi quá hạn 17.291.507đ và lãi phạt chậm trả lãi là 1.168.841).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1734/19/HĐTD/1011-0864 ngày 14/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 1734/19/HĐTD/1011-0864 ngày 14/8/2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp là đất và quyền sử dụng đất theo 01 giấy CNQSD đất CR 208349, thửa số 01, tờ bản đồ số 79-2019, diện tích là 6.217,8m², được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/7/2019, tọa lạc tại ấp Phước T, xã V, huyện G, tỉnh K do bà L đứng tên trên giấy đề thu hồi nợ.

Khi bà Nguyễn Thị L trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại 01 giấy CNQSD đất CR 208349, thửa số 01, tờ bản đồ số 79-2019, diện tích là 6.217,8m², được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/7/2019, tọa lạc tại ấp Phước T, xã V, huyện G, tỉnh K cho bà Nguyễn Thị L.

2. Án phí DSST là: 6.602.000đ (sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng), buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp.

Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G được nhận lại số tiền là 2.900.000đ (hai triệu chín trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0009601 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 24/6/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh